TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2023/HC-PT
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 85/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2022/HCST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5243/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình D - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình D - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Văn E - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Bích F, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở tư pháp tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

- Ông Nguyễn Tiến G - Phó Giám đốc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở tư pháp tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Đào Quang H- Trưởng phòng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở tư pháp tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Vũ Ngọc I – Phó Trưởng phòng Hành chính- Tổng hợp, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở tư pháp tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1957; địa chỉ: số 26, ngõ 2 Giảng Võ, phố Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa

2. Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1962: địa chỉ: thôn Đại Hải, xã Tây Sơn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa

3. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964; vắng mặt tại phiên tòa

4. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1967; vắng mặt tại phiên tòa

Đều trú tại thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X, bà Y, bà N, bà N1: ông Hoàng Văn A sinh năm 1959; địa chỉ: thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Hoàng Văn A đồng thời là người đại diện của bà X, bà Y, bà Ngọc, bà N1 trình bày:

Bố ông là Hoàng Nam H1, mẹ ông là Phạm Thị L. Bố mẹ ông có 5 người con là Hoàng Thị X, Hoàng Thị Y, Hoàng Thị N, Hoàng Thị N1 và ông. Bố ông là liệt sỹ. Mẹ ông được chia ruộng tại xã V, nay mẹ ông đã chết nên các chị em ông có quyền đối với phần đất ruộng được chia. Diện tích ruộng của gia đình mẹ ông bị thu hồi vào dự án xây dựng khu dân cư mới xã V năm 2016 là 518m^2. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố T không có quyền thu hồi đất. Song UBND thành phố vẫn ra quyết định thu hồi và áp giá đền bù theo Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, ban hành kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T. Theo phương án này thì hộ gia đình mẹ ông ở số thứ tự 229, được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 121.094.400 đồng. Sau đó một thời gian, ông biết có một số hộ được bồi thường đến 175.000.000 đồng/sào. Thấy việc bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước không công bằng nên ngày 13/12/2019 và ngày 28/12/2020, ông cùng các cá nhân đại diện cho các hộ dân có đất bị thu hồi nộp đơn khiếu nại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đến Chủ tịch UBND thành phố T. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, cho rằng khiếu nại của người dân (trong đó có gia đình ông) là khiếu nại sai và giữ nguyên nội dung các Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T.

Ngày 21/10/2020, người đại diện cho gia đình ông và các hộ dân tiếp tục làm đơn khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T. Ngày 05/02/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

1. Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB).

2. Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T1 và một số công dân thôn K, thôn P, xã V (viết tắt là Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu).

3. Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T1 cùng 4 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn K, thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (viết tắt là Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai).

II. Ý kiến của người bị kiện là UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu:

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng:

Dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. HĐND tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã V thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (trong đó có hộ ông Hoàng Văn A) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

2. Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất, ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người

có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định.

Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016 Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố phối hợp với UBND xã V, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan họp với đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng.

Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, phối hợp với UBND xã V, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Sau khi xem xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB liên quan đến hộ ông A.

- Về lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố T đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan của Thành phố và UBND xã V lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi theo chế độ chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình; Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, UBND thành phố đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ ông A) là đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và của tỉnh Thái Bình thống nhất theo một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Như vậy, việc ông A cho rằng phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của dự án khu dân cư mới xã V không công bằng là không có cơ sở.

3. Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T:

Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố T, thì người đại diện cho ông A và một số hộ dân khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-

UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T.

Ngày 03/7/2020, UBND thành phố T có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu). Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại.

Sau khi xem xét kết quả xác minh của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về nội dung khiếu nại, ngày 17/9/2020 Phó Chủ tịch UBND thành phố T đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), trong đó kết luận, giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T. Việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu của ông A.

III. Ý kiến của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đối với yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai:

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai:

Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết khiếu nại (lần 2) của các công dân (trong đó có hộ ông A) đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai:

Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2).

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai nêu trên bảo đảm đúng theo quy định của Luật Khiếu nại, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của người đại diện cho ông A và một số hộ dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình xác định: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V trong đó có hộ ông A, của Chủ tịch UBND thành phố T là đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ ông A và các hộ dân có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2022/HC-ST ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 62, 66, 69,75, 77, 83, 84, 88, 89, 90, 93, 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22 và Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn A, gồm các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/10/2022, Người khởi kiện là ông Hoàng Văn A có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo và người đại diện

theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn A có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nhưng sau đó tự ý bỏ về không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn A, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; về nội dung, kháng cáo của ông Hoàng Văn A là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện ông Hoàng Văn A có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình, Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; người khởi kiện có kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn A có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nhưng sau đó tự ý bỏ về trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[1.3] Đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Hoàng Văn A có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T; Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày

17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành trong hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Hoàng Văn A nên là đối tượng khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai); ngày 10/5/2021, ông Hoàng Văn A gửi đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Dự án khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; Ngày 30/6/2015, UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản số 2124/UBND-MCLT chấp thuận chủ đầu tư dự án; Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Ngày 05/8/2016, UBND tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất, ban hành kèm theo Kế hoạch này là thông báo thu hồi đất và gửi đến các hộ có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định, việc này đã được niêm yết công khai. Sau cuộc họp với các hộ dân có đất bị thu hồi, UBND thành phố đã xem xét đề nghị của các phòng ban, đơn vị liên quan và ra Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T (trong đó có hộ gia đình ông Hoàng Văn A). Ông A cho rằng việc bồi thường của Nhà nước không công bằng về giá nên đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị T1cùng một số công dân khác làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố T. Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu; giữ nguyên Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016. Không đồng ý với quyết định trên, ngày

21/10/2020, người đại diện cho gia đình ông và các hộ dân khiếu nại đối với Quyết định 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai không chấp nhận khiếu nại của người đại diện cho ông A, giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 62, Điều 63 và khoản 6 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Việc Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn A là đúng trình tự, thẩm quyền được quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 22, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 27, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

[2.2] Về nội dung các quyết định hành chính:

- Xét Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T:

Sau khi tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND thành phố T thẩm định, ngày 01/12/2016 UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 13315/QĐ-UBND về việc thu hồi đất. Theo đó hộ ông Hoàng Văn A bị thu hồi 518 m^2 đất ruộng theo số thứ tự số 229 do đất của gia đình ông A nằm trong diện tích bị thu hồi trong dự án xây dựng khu dân cư mới xã V. Hộ gia đình ông A không khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất.

Cùng ngày 01/12/2016, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T phù hợp với quy định của Điều 77, điểm a, b khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết

định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2016; Điều 14, Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; khoản 7 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình. Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được UBND thành phố T phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án, công khai mức bồi thường, hỗ trợ; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tới các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ gia đình ông Hoàng Văn A. Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã V tổ chức thực hiện việc chi trả tiền phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Hộ gia đình ông A đã nhận đủ số tiền 121.094.400 đồng (bao gồm bồi thường về đất theo đơn giá đất cây trồng hàng năm 42.000 đồng/m^2, hệ số 1,0; hỗ trợ đào tạo chuyển nghề và tìm kiếm việc làm hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu và hỗ trợ khác).

Như vậy, UBND thành phố T đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông A theo đúng quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 77, Điều 83, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các quyết định của UBND tỉnh Thái Bình như đã phân tích nêu trên.

Ông Hoàng Văn A còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất bị thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng nhưng ông A không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Các tài liệu ông A giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đều được

áp dụng chung cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố T áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác. Việc bồi thường, hỗ trợ đã đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND của ông A là có căn cứ.

- Xét Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai):

Như đã phân tích ở đoạn [2.1] và [2.2], Quyết định số 13577/QĐ-UBND được ban hành đúng về trình tự, thủ tục và nội dung. Ông A cho rằng đơn giá bồi thường là không công bằng giữa các hộ dân nên đã làm đơn khiếu nại lần một và được Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND. Việc ban hành quyết định này là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. Tuy có vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình.

Vì Quyết định 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T là quyết định giải quyết lần đầu đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T có căn cứ, đúng pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, xem xét và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn A là có căn cứ pháp luật. Trên cơ sở nhận xét, đánh giá và quyết định của bản án sơ thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn A là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: ông Hoàng Văn A là người cao tuổi, có yêu cầu xin được miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Văn A, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số197/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Ông Hoàng Văn A được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Khánh